

**Phụ lục 01: BẢNG TÍNH TOÁN TIÊU CHÍ, HỆ SỐ CỦA 02 HUYỆN NGHÈO THUỘC NHÓM 1 THEO QUYẾT ĐỊNH 275/QĐ-TTG NGÀY 07/3/2018 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ (TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2017/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2017 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM)**

(Kèm theo Tờ trình số 30 /TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ST T	Tên huyện, thành phố	Tiêu chí 1							Tiêu chí 2							Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên (10.000 ha)				Tiêu chí 4							Trong đó:						
		Dân số (1.000 hộ)				DTTS (1.000 hộ)			% hộ nghèo				Quy mô hộ nghèo (1.000 hộ)			Đơn vị hành chính (xã)				Huyện có xã biên giới (xã)				Tổng hệ số theo 4 tiêu chí	Tổng hệ số theo 2 tiêu chí								
		Dưới 6	Từ 6 đến dưới 10	từ 10 trở lên	Hệ số	Dưới 5	Từ 5 đến dưới 6	từ 6 trở lên	Hệ số	Dưới 45	từ 45 đến dưới 60	Từ 60 trở lên	Hệ số	Dưới 3,5	từ 3,5 đến dưới 4,5	từ 4,5 trở lên	Hệ số	dưới 10	từ 10 đến dưới 14	từ 14 trở lên	Hệ số	Dưới 10	từ 10 đến dưới 12			từ 12 trở lên	Hệ số	dưới 3	từ 3 đến dưới 5	từ 5 trở lên	Hệ số		
1	Tu Mơ Rông	x			0.15		x		0.17			x	0.24		x		0.22	x			0.10		x			0.12						1.000	0.460
2	Kon Plông		x		0.17		x		0.17			x	0.22				0.20		x		0.12		x			0.10					0.980	0.420	
	<b>Tổng cộng</b>																													<b>1.980</b>			

**Phụ lục 02: Dự án 1- Chương trình 30a- Tiêu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững**

(Kèm theo Tờ trình số 30 /TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên huyện	Tổng hệ số 4 tiêu chí	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng MH giảm nghèo			
			Vốn hỗ trợ/hệ số 1 (tổng vốn: 4.039/tổng hệ số 1,980= Vốn hỗ trợ 2.040 tr.đ/hệ số 1)	Kinh phí phân bổ vốn từng huyện		
				Tổng cộng	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế	Nhân rộng MHGN
A	B	1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>1.980</b>	<b>2,040</b>	<b>4,039</b>	<b>3,231</b>	<b>808</b>
1	Tu Mơ Rông	1.000		2,040	1,632	408
2	Kon Plông	0.980		1,999	1,599	400



**Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã, thị trấn ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135**

(Kèm theo Tờ trình số 30 /TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

*DVT: Triệu đồng*

TT	Tên huyện, TP	Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo		Tiêu chí quy mô hộ		Tổng hệ số của huyện	Tổng hệ số 2 tiêu chí của huyện, (X)	Tổng cộng	Định mức phân bổ		Ghi chú
		Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Hệ số	Quy mô hộ nghèo (hộ)	Hệ số				Mô hình giảm nghèo (=30%A)	Hỗ trợ PTSX (=70%A:N*X)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Huyện Đắk Tô</b>		<b>2.10</b>		<b>2.50</b>	<b>4.60</b>	<b>4.60</b>	<b>396</b>	<b>119</b>	<b>277</b>	Kinh phí thực hiện Mô hình giảm nghèo do huyện chọn xã thuộc địa bàn của dự án để triển khai
1	Thị trấn Đắk Tô	5.27	0.50	173	0.6		1.10				
2	Xã Diên Bình	10.02	0.50	163	0.6		1.10				
3	Xã Tân Cảnh	6.60	0.50	100	0.6		1.10				
4	Xã Kon Đào	26.87	0.60	223	0.7		1.30				